

MỤC LỤC

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.....	2
Điều 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10, Điều 12, Điều 25, khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.	5
Điều 3. Quy định chuyển tiếp.....	5
Điều 4. Điều khoản thi hành.....	5
Điều 5. Trách nhiệm thi hành.....	5



HUNG THANG LAW FIRM

Keep believe in

CHÍNH PHỦ

Số: 54/2020/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 127/2015/NĐ-CP NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Công Thương:

a) Tổng cục Quản lý thị trường; Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh.

b) Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng.

c) Cục Hóa chất; Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Cục Điều tiết điện lực; Cục Công nghiệp; Cục Xúc tiến thương mại; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Phòng vệ thương mại.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Luật Thanh tra, Điều 13 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của Giám đốc Sở, Thanh tra Sở.
 2. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật.
 3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Công Thương thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.
 4. Chủ trì Đoàn thanh tra liên ngành hoặc tham gia các Đoàn thanh tra liên ngành do Sở, ngành thành lập.
 5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”
3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
2. Cử công chức có đủ điều kiện chuyên môn tham gia các Đoàn thanh tra của Thanh tra Bộ và các cơ quan khác khi được yêu cầu.
3. Quyết định phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.”
4. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục tổ chức theo mô hình Vụ; tại Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục tổ chức theo mô hình Phòng.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường Công Thương

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về an toàn điện; quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; an toàn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng; an toàn vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; an toàn cơ khí và áp lực; an toàn trong khai thác mỏ, dầu khí; bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công nghiệp

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về công nghiệp cơ khí, luyện kim, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng), công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sinh học, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao thuộc phạm vi quản lý; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực hóa chất

Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về giới hạn hàm lượng cho phép của hóa chất độc hại trong một số sản phẩm điện, điện tử, dệt may, phân loại hóa chất theo GHS và phiếu an toàn hóa chất; phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; sản xuất, sử dụng hóa chất

Bảng 1, 2, 3; điều kiện sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; điều kiện sản xuất, kinh doanh tiền chất thuốc nổ; sản xuất, kinh doanh hóa chất cấm và hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện và hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; mua bán hóa chất độc; khai báo hóa chất; sử dụng hóa chất; huấn luyện an toàn hóa chất; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Nội dung thanh tra chuyên ngành về hoạt động thương mại

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, hoạt động thương mại biên giới, hoạt động môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý thương mại, gia công trong thương mại, giám định thương mại, nhượng quyền thương mại thuộc phạm vi quản lý; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra đột xuất đối với hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc gian lận nguồn gốc, xuất xứ khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật khác trong hoạt động thương mại thuộc phạm vi quản lý hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực cạnh tranh và hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc phạm vi quản lý; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp thuộc phạm vi quản lý; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 34 như sau:

“2. Thanh tra Sở căn cứ vào kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh và yêu cầu công tác quản lý xây dựng kế hoạch thanh tra, trình Giám đốc Sở chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hằng năm. Giám đốc Sở phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hằng năm.

3. Kế hoạch thanh tra hằng năm đã được phê duyệt được thông báo cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức có liên quan.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 35 như sau:

“3. Chánh Thanh tra Sở báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh xử lý việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra của Sở Công Thương với các cơ quan thanh tra của địa phương.”

12. Bổ sung khoản 4 Điều 35 như sau:

“Tổng cục trưởng xử lý chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra của các Cục thuộc Tổng cục trong quá trình xây dựng Kế hoạch thanh tra hàng năm.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 36 như sau:

“4. Cục thuộc Tổng cục có trách nhiệm báo cáo Tổng cục về công tác thanh tra chuyên ngành trong phạm vi trách nhiệm được giao.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là công chức thuộc Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của ngành công chức đang giữ, các tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính và hưởng các chế độ bồi dưỡng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 như sau:

“1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo biên chế, kinh phí, điều kiện hoạt động của Thanh tra Sở.”

Điều 2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10, Điều 12, Điều 25, khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng tiếp tục thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 07 năm 2020.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

Nguyễn Xuân Phúc